

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2022/HS-ST

Ngày: 27-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Phương Thảo

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST - HS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Thùy T (Q)** - Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1992, tại Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà H, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số nhà B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H và con bà: Vũ Thị Thanh T. Bị cáo có chồng tên Phan Phước Trung K, sinh năm 1989 (hiện đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Ngọc G - sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú tại: Số H, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy N - sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú: Số nhà B, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Thanh T - sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Số nhà B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị Ngọc Y - sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Số nhà M, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Số nhà B, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Như H - Sinh năm 1999

Địa chỉ cư trú: Số nhà H, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Kim L - Sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Số nhà B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

8. Anh Huỳnh Thanh N - Sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Số nhà T, đường V, Phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: Số nhà H, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

10. Bà Huỳnh Thị C - Sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Số nhà M, đường N, liên gia S, tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Anh Đ - Sinh năm 1965

Địa chỉ cư trú: Số nhà H, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

12. Bà Phạm Thị M - Sinh năm: 1966

Địa chỉ cư trú: Số nhà H, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1987

Địa chỉ cư trú: Liên gia B, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4 năm 2020, Phạm Thị Thùy T cho nhiều người dân vay tiền với lãi suất cao, dưới hình thức trả góp để thu lợi bất chính, cụ thể: Khi có người vay tiền liên hệ, T sẽ dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, chụp hình người vay và giấy tờ tùy thân, viết giấy để làm căn cứ cho việc vay tiền. Sau khi cho vay, hàng ngày T đến tận nơi của người vay để thu tiền góp của người vay trả hoặc người vay sẽ trả tiền cho T bằng cách chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của T. T theo dõi người vay trả nợ bằng cách ghi tên người vay, khoản vay, quá trình trả nợ vào 01 quyển sổ màu đen, có in dòng chữ màu vàng ngoài bìa “Wonderful – CK7”, bìa cứng, kích thước (20x15)cm.

Hình thức vay: Nếu vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày người vay trả 100.000 đồng tiền gốc và lãi, trả trong vòng 30 ngày, khi trả đủ thì T sẽ thu được 500.000 đồng tiền lãi (tương đương lãi suất 243,333%/năm); Nếu vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày người vay trả 200.000 đồng tiền gốc và lãi, trả trong vòng 30 ngày, khi trả đủ thì T sẽ thu được 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương lãi suất 243,333%/năm), tương tự như vậy nếu người vay vay với số tiền càng lớn thì hàng ngày phải trả cho T số tiền gốc và lãi càng cao.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất năm} = \frac{(\text{số tiền lãi} : \text{số tiền gốc}) \times 100\%}{\text{Số ngày vay}} \times 365$$

$$\text{Lãi suất vượt quá} = \frac{\text{Lãi suất năm}}{20\%}$$

Quá trình điều tra xác định, từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, Phạm Thị Thùy T đã cho 11 người vay tiền và thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Bà Phạm Thị Ngọc G: Từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, bà G vay tiền của T tổng cộng 14 lần, mỗi lần vay số tiền 2.500.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 83.333 đồng, tiền lãi là 16.667 đồng. Mỗi lần vay, bà G trả đủ tiền gốc và lãi thì T thu được 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, nên số tiền T thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: 500.000 đồng – 41.096 đồng = 458.904 đồng. Bà G đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi cho T của 13 lần vay đầu; còn lần vay cuối bà G đã trả được 25 ngày với số tiền 2.500.000 đồng, trong đó có 2.083.325 đồng tiền gốc và 416.675 đồng tiền lãi, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 34.247 đồng, nên T đã thu lợi bất chính ở lần vay cuối là số tiền: 416.675 đồng – 34.247 đồng = 382.428 đồng.

Như vậy, với việc cho bà G vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $(458.904 \text{ đồng} \times 13) + 382.428 \text{ đồng} = 6.348.180 \text{ đồng}$. Hiện bà G còn nợ T số tiền gốc là 416.675 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy N: Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, bà N vay tiền của T tổng cộng 05 lần, cụ thể:

Hai lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng. Mỗi lần vay, bà N trả đủ cả gốc và lãi thì T thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: 917.808 đồng. Bà N đã trả đủ tiền gốc và lãi của 02 lần vay này nên số tiền T thu lợi bất chính là 1.835.616 đồng.

Ba lần vay số tiền 7.500.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng. Mỗi lần vay, bà N trả đủ cả gốc và lãi thì T thu được 7.500.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 123.288 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là 1.376.712 đồng. Bà N đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T của 02 lần vay; lần vay cuối bà N đã trả được 17 ngày với số tiền 5.100.000 đồng, trong đó 4.250.000 đồng tiền gốc và 850.000 đồng tiền lãi, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 69.863 đồng, nên số tiền T đã thu lợi bất chính ở lần vay cuối là: 780.137 đồng.

Như vậy, với việc cho bà N vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $1.835.616 \text{ đồng} + (1.376.712 \text{ đồng} \times 2) + 780.137 \text{ đồng} = 5.369.177 \text{ đồng}$. Hiện bà N còn nợ T số tiền gốc là 3.250.000 đồng.

3. Chị Phạm Thị Thanh T: Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 5 năm 2021, chị Thanh T vay tiền của T tổng cộng 05 lần, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng. Mỗi lần vay, chị Thanh T trả đủ cả gốc và lãi thì T thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là 917.808 đồng. Chị Thanh T đã trả đủ tiền gốc và lãi trong 04 lần vay, lần vay cuối đã trả được 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, nên T đã thu lợi bất chính ở lần vay cuối là số tiền: 458.904 đồng.

Như vậy, với việc cho chị Thanh T vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $(917.808 \text{ đồng} \times 4) + 458.904 \text{ đồng} = 4.130.136 \text{ đồng}$. Hiện chị Thanh T còn nợ T số tiền gốc là 2.500.000 đồng.

4. Chị Phạm Thị Ngọc Y: Từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, chị Y

vay tiền của T tổng cộng 09 lần, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng. Mỗi lần vay, chị Y trả đủ tiền gốc và lãi thì T thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là 917.808 đồng. Chị Y đã trả đủ tiền gốc và lãi của 08 lần vay đầu, lần vay cuối đã trả được 20 ngày với số tiền 4.000.000 đồng, trong đó 3.333.340 đồng tiền gốc và 666.660 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795 đồng, nên T đã thu lợi bất chính ở lần vay cuối là số tiền: 666.660 đồng - 54.795 đồng = 611.865 đồng.

Như vậy, với việc cho chị Y vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $(917.808 \text{ đồng} \times 8) + 611.865 \text{ đồng} = 7.954.329 \text{ đồng}$. Hiện chị Y còn nợ T số tiền gốc là 1.666.660 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị T: Từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, chị Nguyễn Thị T vay tiền của T tổng cộng 04 lần, mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả số tiền gốc và lãi là 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng. Mỗi lần vay, chị Nguyễn Thị T trả đủ cả gốc và lãi thì T thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: $2.000.000 \text{ đồng} - 164.384 \text{ đồng} = 1.835.616 \text{ đồng}$. Chị Nguyễn Thị T đã trả đủ tiền gốc và lãi của 3 lần vay, lần cuối đã trả được 17 ngày với số tiền 6.800.000 đồng, trong đó 5.666.661 đồng tiền gốc và 1.133.339 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước 93.151 đồng, nên T đã thu lợi bất chính ở lần vay cuối là số tiền: $1.133.339 \text{ đồng} - 93.151 \text{ đồng} = 1.040.188 \text{ đồng}$.

Như vậy, với việc cho chị Nguyễn Thị T vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $(1.835.616 \text{ đồng} \times 3) + 1.040.188 \text{ đồng} = 6.547.036 \text{ đồng}$. Hiện chị Nguyễn Thị T còn nợ T số tiền gốc là 4.333.339 đồng.

6. Chị Nguyễn Thị Như H: Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021, chị H vay tiền của T tổng cộng 10 lần, cụ thể:

Một lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả số tiền gốc và lãi là 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng. Khoản vay này chị H đã trả đủ cả tiền gốc và lãi nên T đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng, nên số tiền T đã thu lợi bất chính trong lần vay này là: $2.000.000 \text{ đồng} - 164.384 \text{ đồng} = 1.835.616 \text{ đồng}$.

Tám lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là

33.333 đồng. Mỗi lần vay, chị H trả đủ cả gốc và lãi thì T thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: 1.000.000 đồng - 82.192 đồng = 917.808 đồng. Chị H đã trả đủ tiền gốc và lãi của 07 lần vay, lần vay cuối đã trả được 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 32.877 đồng, nên T đã thu lợi bất chính ở lần vay cuối là số tiền: 400.000 đồng - 32.877 đồng = 367.123 đồng.

Một lần chị H vay số tiền 1.250.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 50.000 đồng, trong đó tiền gốc là 41.667 đồng, tiền lãi là 83.333 đồng. Khoản vay này chị H đã trả được 17 ngày với số tiền 850.000 đồng, trong đó 708.333 đồng tiền gốc và 141.667 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 11.644 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 130.032 đồng.

Như vậy, với việc cho chị H vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: 1.835.616 đồng + (917.808 đồng x 7 + 367.123 đồng) + 130.032 đồng = 8.757.427 đồng. Hiện chị H còn nợ T số tiền gốc là 3.541.667 đồng.

7. Bà Lê Thị Kim L: Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021 bà L vay tiền của T 06 lần, cụ thể:

Năm lần bà L vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng. Mỗi lần vay, bà L trả đủ cả gốc và lãi thì T thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: 1.000.000 đồng - 82.192 đồng = 917.808 đồng. Bà L đã trả đủ tiền gốc và lãi của 04 lần vay, còn lần vay cuối chưa trả được ngày nào.

Một lần bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng. Khoản vay này, bà L đã trả đủ gốc, lãi nên T thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 1.835.616 đồng.

Như vậy, với việc cho bà L vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: (917.808 đồng x 4) + 1.835.616 đồng = 5.506.848 đồng. Hiện bà L còn nợ T số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

8. Anh Huỳnh Thanh N: Từ tháng 3 năm 2021 đến tháng 5 năm 2021 anh Huỳnh Thanh N vay tiền của T 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 833.333 đồng, tiền lãi là 166.667 đồng. Khoản vay này anh Huỳnh Thanh N đã trả đủ tiền gốc và lãi nên T thu được 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 1.643.368 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 8.356.164 đồng.

Lần 2: Vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 1.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng. Khoản vay này anh Huỳnh Thanh N đã trả được 10 ngày với số tiền 20.400.000 đồng, trong đó 17.000.000 đồng tiền gốc và 3.400.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 279.452 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 3.120.548 đồng.

Lần 3: Vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng. Khoản vay này, anh Huỳnh Thanh N đã trả được 5 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 458.904 đồng.

Lần 4: Vay số tiền 7.500.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng. Khoản vay này, anh Huỳnh Thanh N đã trả được 16 ngày với số tiền 4.800.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 65.753 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 734.247 đồng.

Như vậy, với việc cho anh Huỳnh Thanh N vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: 8.356.164 đồng + 3.120.548 đồng + 458.904 đồng + 734.247 đồng = 12.669.863 đồng. Hiện anh Huỳnh Thanh N còn nợ T số tiền gốc là 29.000.000 đồng.

9. Bà Nguyễn Thị H: Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 bà Nguyễn Thị H vay tiền của T 04 lần, mỗi lần vay số tiền 2.700.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng. Mỗi lần vay, bà Nguyễn Thị H trả đủ tiền gốc và lãi thì T thu được 2.700.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 135,185%/năm. Lãi suất cho vay gấp 6,75 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 44.384 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: 255.616 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã trả đủ cho T tiền gốc và lãi của 03 lần vay, lần cuối đã trả được 9 ngày với số tiền 900.000 đồng, trong đó 810.000 đồng tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 13.315 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền là 76.685 đồng.

Như vậy, với việc cho bà Nguyễn Thị H vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $255.616 \text{ đồng} \times 3 + 76.685 \text{ đồng} = 843.533 \text{ đồng}$. Hiện bà Nguyễn Thị H còn nợ T số tiền gốc là 1.890.000 đồng.

10. Bà Huỳnh Thị C: Vào tháng 3/2021, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng. Khoản vay này bà C đã trả được 17 ngày với số tiền 3.400.000 đồng, trong đó 2.833.333 đồng tiền gốc và 566.667 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 243,333%/năm. Lãi suất cho vay gấp 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 46.575 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 520.092 đồng. Hiện bà C còn nợ T số tiền gốc là 2.166.667 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Anh Đ: Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021 bà Đ vay tiền của T 05 lần, mỗi lần bà Đ vay số tiền 2.700.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng. Mỗi lần vay, bà Đ trả đủ tiền gốc và lãi thì T thu được 2.700.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, lãi suất tương ứng 135,185%/năm. Lãi suất cho vay gấp 6,75 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 44.384 đồng, nên số tiền thu lợi bất chính trong mỗi lần vay là: 255.616 đồng. Bà Đ đã trả đủ cho T tiền gốc và lãi của 04 lần vay; lần cuối trả được 20 ngày với số tiền 2.000.000 đồng, trong đó 1.800.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 29.589 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền: 170.411 đồng.

Như vậy, với việc cho bà Đ vay tiền như trên thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: $(255.616 \text{ đồng} \times 4) + 170.411 \text{ đồng} = 1.192.875$. Hiện bà Đ còn nợ T số tiền gốc là 900.000 đồng.

Như vậy, đến nay Phạm Thị Thùy T đã cho 11 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 395.550.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 59.839.496 đồng và tổng số tiền gốc những người vay còn nợ của T là 54.665.008 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung trên và bị cáo không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số: 30/CT-VKS -HS ngày 06/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phạm Thị Thùy T về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Thùy T và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản cáo trạng 30/CT-VKS -HS ngày 06/01/2022 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy T từ 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền Phạm Thị Thùy T từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Phạm Thị Thùy T. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 12 promax, màu vàng, số Imei 1: 35 444 0892881632, số Imei 2: 35 444 0892921735, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Phạm Thị M, bà M cho bị cáo Phạm Thị Thùy T mượn chiếc điện thoại để sử dụng. Bị cáo T sử dụng chiếc điện thoại vào việc phạm tội bà M không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà M và đề nghị trả lại tài sản là chiếc điện thoại di động Iphone 12 promax cho bà Phạm Thị M.

Tích thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng là tiền mà bị cáo Phạm Thị Thùy T thu của những người vay trong việc cho vay tiền lãi suất cao.

Tích thu tiêu hủy 01 quyển sổ màu đen, có in dòng chữ màu vàng ngoài bìa: “Wonderful – CK7”, bìa cứng, kích thước (20x15)cm, đã qua sử dụng; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704 3668 0984 8943 023 tên Phạm Thị Thùy T, đã qua sử dụng và 01 thẻ sim điện thoại Vinaphone là tài sản của bị cáo Phạm Thị Thùy T sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị Thùy T trả lại số tiền 59.839.496 đồng, đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cụ thể như sau: Bà Phạm Thị Ngọc G số tiền 6.348.180 đồng; Bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 5.369.177 đồng; Bà Phạm Thị Thanh T số tiền 4.130.136 đồng; Bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 7.954.329 đồng; Chị Nguyễn Thị T số tiền 6.547.036 đồng; Chị Nguyễn Thị Như H số tiền 8.757.427 đồng; Bà Lê Thị Kim L số tiền 5.506.848 đồng; Anh Huỳnh Thanh N số tiền 12.669.863 đồng; Bà Nguyễn Thị H số tiền 843.533 đồng; Bà Huỳnh Thị C số tiền 520.092 đồng; Bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 1.192.875 đồng.

Truy thu từ Phạm Thị Thùy T số tiền 340.884.992 đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 6.425.503 đồng, là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) sung ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền 54.665.008 đồng, nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: Bà Phạm Thị Ngọc G số tiền 416.675 đồng; Bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 3.250.000 đồng; Bà Phạm Thị Thanh T số tiền 2.500.000 đồng; Bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 1.666.660 đồng; Chị Nguyễn Thị T số tiền 4.333.339 đồng; Chị Nguyễn Thị Như H số tiền 3.541.667 đồng; Bà Lê Thị Kim L số tiền 5.000.000 đồng; Anh Huỳnh Thanh N số tiền 29.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.890.000 đồng; Bà Huỳnh Thị C số tiền 2.166.667 đồng; Bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do tham lam tư lợi nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021 Phạm Thị Thùy T đã cho 11 người vay tiền với mức lãi suất từ 135,185%/năm đến 243,333%/năm, gấp từ 6,75 đến 12,17 của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thu lợi bất chính số tiền là 59.839.496 đồng là phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nguy hiểm, gây tác hại xấu nhiều mặt cho xã hội và ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được rằng hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng chỉ vì tham lam tư lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội cho nên đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong tình hình xã hội hiện nay.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng nào tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo Phạm Thị Thùy T không có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ nên được miễn khấu trừ thu nhập.

Trong vụ án có bà Phạm Thị M là người đã cho bị cáo T mượn chiếc điện thoại di động Iphone 12 promax, màu vàng, số Imei 1: 35 444 0892881632, số Imei 2: 35 444 0892921735 nhưng bà M không biết bị cáo sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà M là phù hợp.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người vay tiền của bị cáo Phạm Thị Thùy T, là: Chị Phạm Thị lệ T, sinh năm 1999, trú tại: Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; bà Trần Thị C, sinh năm 1968, trú tại: Số nhà M, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chị Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1982, trú tại: Tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và những người chưa rõ nhân thân, lai lịch, gồm: Anh Tuấn A, chị Kin Nhun, chị Y Bánh Mì, anh Đ, chị T Bê, cô T, bà A, cô Bê L, chị T, chị T Đá, anh D lực. Quá trình điều tra, chị T, bà C, chị N vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được với những người trên để xác định nội dung vay tiền. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền nợ gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả hết cho bị cáo tổng số tiền 54.665.008 đồng. Đây là số tiền bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà Phạm Thị Ngọc G nộp lại số tiền 416.675 đồng; Bà Nguyễn Thị Thúy N nộp lại số tiền 3.250.000 đồng; Bà Phạm Thị Thanh T nộp lại số tiền 2.500.000 đồng; Bà Phạm Thị Ngọc Y nộp lại số tiền 1.666.660 đồng; Chị Nguyễn Thị Thu nộp lại số tiền 4.333.339 đồng; Chị Nguyễn Thị Như H nộp lại số tiền 3.541.667 đồng; Bà Lê Thị Kim L nộp lại số tiền 5.000.000 đồng; Anh Huỳnh Thành N nộp lại số tiền 29.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 1.890.000 đồng; Bà Huỳnh Thị C nộp lại số tiền 2.166.667 đồng; Bà Nguyễn Thị Anh Đ nộp lại số tiền 900.000 đồng

[6.2] Đối với số tiền lãi 59.839.496 đồng bị thu lợi bất chính (vượt mức 20%/năm) của những người vay là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án buộc bị cáo phải trả lại, cụ thể: Trả cho bà Phạm Thị Ngọc G số tiền 6.348.180 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 5.369.177 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 4.130.136 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 7.954.329 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị Thu số tiền 6.547.036 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị Như H số tiền 8.757.427 đồng; Trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 5.506.848 đồng; Trả cho anh Huỳnh Thành N số tiền 12.669.863 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 843.533 đồng; Trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 520.592 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 1.192.875 đồng.

[6.3] Về xử lý vật chứng:

Truy thu từ Phạm Thị Thùy T số tiền 340.884.992 đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 6.425.503 đồng, là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) sung ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền mà bị cáo Phạm Thị Thùy T thu của những người vay trong việc cho vay tiền lãi suất cao, do vậy cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 12 promax, màu vàng, số Imei 1: 35 444 0892881632, số Imei 2: 35 444 0892921735, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Phạm Thị M nên cần tuyên trả cho bà M.

Đối với 01 quyển sổ màu đen, có in dòng chữ màu vàng ngoài bìa: “Wonderful – CK7”, bìa cứng, kích thước (20x15)cm, đã qua sử dụng; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704 3668 0984 8943 023 tên Phạm Thị Thùy T, đã qua sử dụng và 01 thẻ sim điện thoại Vinaphone là tài sản của bị cáo Phạm Thị Thùy T sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Thùy T (Quyên) phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Thùy T (Quyên) 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, người bị kết án nhận được bản án, Quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Thị Thùy T.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Phạt Phạm Thị Thùy T số tiền 30.000.000 đồng.

- Giao bị cáo Phạm Thị Thùy T cho Ủy ban nhân dân phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị Thùy T trả lại số tiền 59.839.496 đồng, đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ

án cụ thể như sau: Trả cho bà Phạm Thị Ngọc G số tiền 6.348.180 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 5.369.177 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 4.130.136 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 7.954.329 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị Thu số tiền 6.547.036 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị Như H số tiền 8.757.427 đồng; Trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 5.506.848 đồng; Trả cho anh Huỳnh Thanh N số tiền 12.669.863 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 843.533 đồng; Trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 520.092 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 1.192.875 đồng.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền 54.665.008 đồng, nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: Buộc Bà Phạm Thị Ngọc G nộp số tiền 416.675 đồng; Bà Nguyễn Thị Thúy N nộp số tiền 3.250.000 đồng; Bà Phạm Thị Thanh T nộp số tiền 2.500.000 đồng; Bà Phạm Thị Ngọc Y nộp số tiền 1.666.660 đồng; Chị Nguyễn Thị Thu nộp số tiền 4.333.339 đồng; Chị Nguyễn Thị Như H nộp số tiền 3.541.667 đồng; Bà Lê Thị Kim L nộp số tiền 5.000.000 đồng; Anh Huỳnh Thanh N nộp số tiền 29.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H nộp số tiền 1.890.000 đồng; Bà Huỳnh Thị C nộp số tiền 2.166.667 đồng; Bà Nguyễn Thị Anh Đ nộp số tiền 900.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Về xử lý vật chứng:

- Truy thu đối với bị cáo Phạm Thị Thùy T số tiền 340.884.992 đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 6.425.503 đồng, là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng là tiền mà bị cáo Phạm Thị Thùy T thu của những người vay trong việc cho vay tiền lãi suất cao.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ màu đen, có in dòng chữ màu vàng ngoài bìa: “Wonderful – CK7”, bìa cứng, kích thước (20x15)cm, đã qua sử dụng; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704 3668 0984 8943023 tên Phạm Thị Thùy T, đã qua sử dụng và 01 thẻ sim điện thoại Vinaphone.

Tuyên trả cho bà Phạm Thị Mai 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 promax, màu vàng, số Imei 1: 35 444 0892881632, số Imei 2: 35 444 0892921735.

(Vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn ma thuột).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Thị Thùy T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND
tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;

- Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị My My

Nơi nhận :

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND
tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;

- Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị My My

Nơi nhận :

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND
tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;

- Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị My My